

# NỐI THƯƠNG MÌNH

(Trích *Truyện Kiều*)

NGUYỄN DU

## KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được thân phận đau đớn, tủi nhục của Kiều ở chốn lầu xanh và ý thức về nhân phẩm của nàng.
- Hiểu được nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong việc diễn tả tâm trạng nhân vật.

## TIỂU DẪN

Mã Giám Sinh giả danh mua Kiều làm vợ lẽ, nhưng thực ra y mua nàng về cho nhà chứa của Tú Bà. Khi biết mình bị lừa, Kiều rút dao tự sát, nhưng không chết. Trong cơn mê, Kiều thấy Đạm Tiên hiện về báo cho biết số nàng chưa thoát được nợ đoạn trường, Kiều đành phải nghe lời dỗ dành của Tú Bà ra ở lầu Ngung Bích. Sở Khanh, một tên tay sai của Tú Bà, lập mưu rủ nàng đi trốn. Kiều nhẹ dạ nghe theo, bị Tú Bà bắt về, đành đập rất dã man và buộc nàng phải tiếp khách.

Đoạn trích (từ câu 1229 đến câu 1248 của *Truyện Kiều*) miêu tả tâm trạng Kiều trong cảnh sống ô nhục ở lầu xanh.

猛烈 惡景 队默 極欺 欺欺 欺 摧別 别樓 搶身 傷合  
暴市 番駒 驎駒 暮醒 醒醒 醒 離包 買包 身分  
淫淫 景脣 潤潤 封醜 醜醜 醜 離賣 買賣 分身  
強毬 捶楚 捶楚 鏡鏡 鏡鏡 鏡 泪愈 愈愈 分離  
矯勾 刀花 運運 悅憇 憇憇 憇 條帳 帳帳 紗帳  
死詩 愁撲 泰霜 霜霜 楊柳 柳柳 柳 桃梗 梗梗 桃梗

埃及 官隸 仍身 睹秩 司勦 西  
知琴 盡簾 命駒 駒命 駒命 醉擦 中  
音灑 景灑 市蛇 散命 宋王 懶拱  
始月 固固 啓別 喻作 吏躺 正拱  
漫浴 濡浴 茸固 峰如 傷陣 滯拱  
渟基 基務 春星 花命 命尋 高臥  
貝箭 包駢 罷閉 錚惄 長卒 品別  
笑禮 哭駢 身塘 車駢 車駢 半

Một trang trong bản chữ Nôm *Truyện Kiều* của Liễu Văn Đường in năm 1871, đoạn *Nối thương minh*.

\*  
\* \*

1. *Biết bao bướm lá ong loi<sup>(1)</sup>,  
Cuộc say đầy tháng, trán cười suốt đêm.  
Dập dùi<sup>(2)</sup> lá gió cành chim<sup>(3)</sup>,  
Sóm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh<sup>(4)</sup>.*
5. *Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,  
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.  
Khi sao phong gấm rủ là<sup>(5)</sup>,  
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường ?  
Mặt sao dày gió dạn sương<sup>(6)</sup>,*
10. *Thần sao bướm chán ong chuồng<sup>(7)</sup> bấy thân !  
Mặc người mưa Sở, mây Tân<sup>(8)</sup>,  
Những mình nào biết có xuân<sup>(9)</sup> là gì.  
Đời phen gió tưa hoa kê<sup>(10)</sup>,  
Nửa rèm tuyết ngâm, bốn bề trăng thâu<sup>(11)</sup>.*
15. *Cánh nào cánh chẳng đeo sâu,  
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?*

(1) *Bướm lá ong loi* : bướm ong lá loi. (Bướm, ong thường bay đi hút nhuy các loài hoa ; đây dùng để chỉ khách làng chơi).

(2) *Dập dùi* : cành tượng người qua kè lại tấp nập.

(3) *Lá gió cành chim* : lá đón gió, cành rước chim, ý nói đón đưa khách làng chơi (lấy ý câu thơ của Tiết Đào thời Đường : "Chi nghênh nam bắc điếu - Diệp tống vắng lai phong", nghĩa là : Cành đón chim nam bắc - Lá đưa gió lại qua).

(4) *Tống Ngọc, Trường Khanh* : *Tống Ngọc* là danh sĩ thời Chiến quốc ; *Trường Khanh* là tên hiệu của Tư Mã Tương Như, danh sĩ thời Hán. Đây chỉ những khách ăn chơi phong lưu, sang trọng.

(5) *Phong gấm nǚ là* : ý nói được nâng niu trong cảnh sống êm ám phong lưu (là : màn là, một thứ màn dệt bằng tơ mịn).

(6) *Dày gió dạn sương* : dày dạn gió sương, ý nói đã dạn dày trong cảnh khổ nhục ở chốn lầu xanh.

(7) *Bướm chán ong chuồng* : ý nói tẩm thân bị đem ra làm đồ chơi chán chê cho khách làng chơi.

(8) *Mưa Sở, mây Tân* : đây có nghĩa như chữ "mây mưa", chỉ sự ái ân của trai gái. Sở, Tân đặt thêm cho lời được cân đối là theo câu thơ cổ Trung Hoa : "Tân vân Sở vũ ám tương thời" (Mây Tân mưa Sở ngầm thúc giục nhau).

(9) *Xuân* : ở đây nghĩa là vui thú.

(10) *Gió tưa hoa kê* : ý nói cùng khách hóng gió, xem hoa ; có người hiểu gió, hoa ở đây còn chỉ khách làng chơi một cách bóng gió.

(11) *Nửa rèm tuyết ngâm* : tuyết đóng ngang rèm ; *bốn bề trăng thâu* : trăng soi lồng lộng bốn bề. Câu này với câu trên gồm đủ phong, hoa, tuyết, nguyệt của bốn mùa.

*Đời phen nét vẽ, câu thơ,  
Cung cầm trong nguyệt<sup>(1)</sup> nước cờ dưới hoa.*

*Vui là vui gượng kéo là,*

20. *Ai tri âm đó mặn mà với ai ?*

(Theo *Truyện Kiều*, trong *Từ điển "Truyện Kiều"*, Sách đã dẫn)

### HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

- Đoạn trích có thể chia làm mấy đoạn nhỏ ? Nêu ý chính của mỗi đoạn.
- Trong đoạn 1, cảnh sống ở lâu xanh của Kiều được miêu tả như thế nào và tâm trạng nàng trước cảnh sống ấy ra sao ? (Chú ý hai chữ "giật mình" và một loạt những câu tự hỏi của Kiều).
- Phân tích thái độ của Kiều trước thú vui của khách trong đoạn 2.
- Chỉ ra những câu thơ trong đoạn trích thể hiện khái quát tâm sự "thương mình xót xa" và nhân cách của Kiều.
- Trong đoạn trích, tác giả dùng nhiều điệp từ, phép sóng đôi, nhiều dạng tiêu đối có giá trị biểu cảm đặc sắc. Hãy chỉ ra các trường hợp đó và phân tích giá trị nghệ thuật của chúng trong việc miêu tả nội tâm nhân vật.

### BÀI TẬP NÂNG CAO

Hãy chỉ ra những câu thơ độc thoại nội tâm trong đoạn trích *Nỗi thương mình* và cho biết tác dụng của chúng đối với việc miêu tả tâm trạng nhân vật. Nếu chuyển sang hình thức biểu đạt : "nàng nghĩ rằng", "nàng cảm thấy" thì hiệu quả nghệ thuật miêu tả tâm trạng sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ? Tại sao ?

### TRÍ THỨC ĐỌC - HIẾU

#### Chủ nghĩa nhân đạo

Chủ nghĩa nhân đạo là tư tưởng lấy con người làm gốc, tôn trọng, đề cao giá trị con người, giải phóng cá tính và bảo vệ quyền lợi của con người. Tư tưởng này một mặt chống thân quyền, mặt khác chống quân quyền (quyền của vua), khẳng định cá tính và quyền sống con người, trở thành tư tưởng tiêu biểu của thời đại Phục hưng ở phương Tây.

Ở Việt Nam, hai chữ "nhân đạo" đã có từ xưa để phân biệt với "thiên đạo", nhưng thuật ngữ "chủ nghĩa nhân đạo" dùng để chỉ nội dung đề cao con người, bênh vực con người, giải phóng cá tính thì mãi đến đầu thế kỷ XX mới có. Cũng như ở phương Tây, tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa ở Việt Nam đã có từ xưa. Đặc biệt vào thế kỷ XVIII do chiến tranh liên miên, sưu thuế nặng nề, kỉ cương xã hội

(1) *Cung cầm* : cung đàn, ý nói đánh đàn ; *trong nguyệt* : dưới bóng trăng. Chú ý câu này với câu trên gồm đủ bốn thứ chơi phong lưu : cầm, kì, thi, họa.

đổ nát, quyền sống con người bị chà đạp, tư tưởng nhân đạo đã xuất hiện trong các tác phẩm như *Chinh phu ngâm*, *Cung oán ngâm*, *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn*, thơ Hồ Xuân Hương,... Chủ nghĩa nhân đạo ở Việt Nam thời trung đại không nhấn mạnh nhiều ở khía cạnh giải phóng cá tính, mà nhấn mạnh ở lòng thương người, thương thân, ai oán số phận, phản kháng áp bức, cường quyền, thể hiện khát vọng hưởng hạnh phúc cá nhân.

Nội dung của chủ nghĩa nhân đạo có sự chuyển biến theo quá trình phát triển của lịch sử. Trong văn học hiện đại Việt Nam từ thế kỷ XX, chủ nghĩa nhân đạo đã đặt ra yêu cầu giải phóng cá tính và khẳng định khả năng cải tạo xã hội, làm chủ thế giới của con người.